PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2010*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực

hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010 báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan phải hoàn thành việc soạn thảo dự án luật, pháp lệnh gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4: Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tài chính áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của Trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Để tạo điều kiện thông quan nhanh hàng hóa xuất nhập khẩu, yêu cầu trước ngày 30 tháng 6 năm 2011:

1. Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng ban hành đầy đủ danh mục hàng hóa phải kiểm tra chất lượng theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đầy đủ danh mục hàng hóa phải kiểm dịch động vật và hàng hóa phải kiểm dịch thủy sản; danh mục hàng hóa phải kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ.

3. Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Y tế hoàn thành báo cáo nghiên cứu thiết lập phòng thí nghiệm tại các khu vực cửa khẩu lớn để phục vụ kiểm tra nhanh tại các cửa khẩu thuộc các cục Hải quan ở Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ, đảm bảo phù hợp với Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Y tế thống nhất các loại giấy tờ về quản lý chuyên ngành để áp dụng thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về chứng nhận chất lượng hàng hóa từ nước xuất khẩu theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đảm bảo phù hợp với lộ trình triển khai Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010. Ưu tiên thực hiện sớm đối với các nước có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa lớn vào Việt Nam.

5. Các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng ban hành Quy trình kiểm tra và xử lý hàng hóa thống nhất theo trình tự các bước cơ bản quy định tại Điều 35 và 36 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, trên cơ sở tham khảo quy trình kiểm tra chi tiết của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 để đảm bảo thống nhất ở mức cao.

Điều 7. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Y tế, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành khác có liên quan nghiên cứu và xây dựng đề án về cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không, đảm bảo tính đồng bộ với cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN đến năm 2012, nhằm cắt giảm 10% - 20% chi phí làm thủ tục hải quan cho công dân và doanh nghiệp; giảm 30% thời gian thông quan tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ, ngành với cơ quan hải quan để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho cá nhân, tổ chức.

Việc xây dựng Đề án về cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành liên quan để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu cần tập trung nghiên cứu các nội dung:

- Xác định cụ thể tần suất xuất nhập khẩu của từng nhóm hàng hóa tại từng cửa khẩu; gắn với từng nhóm hàng hóa đó là các bộ, ngành chuyên môn liên quan; những vướng mắc chủ yếu của từng nhóm hàng khi thực hiện thủ tục thông quan; những thực tiễn tốt từ khảo sát kinh nghiệm quốc tế, bao gồm cả những yêu cầu, điều kiện để thực hiện được cơ chế phối hợp, những vấn đề cần lưu ý hoặc những bài học kinh nghiệm khi xây dựng cơ chế phối hợp tại những quốc gia được khảo sát;

- Xác định mô hình tổ chức của Hải quan cửa khẩu trên cơ sở biệt phái cán bộ các bộ, ngành dưới sự chỉ đạo thống nhất của Trưởng hải quan cửa khẩu; chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc của các lực lượng làm việc tại hải quan cửa khẩu; thẩm quyền của hải quan và các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu.

- Xác định cơ chế phối hợp giải quyết những vấn đề về chuyên ngành vượt thẩm quyền của hải quan cửa khẩu (hải quan và lực lượng liên ngành).

- Xác định yêu cầu về cơ sở vật chất và điều kiện làm việc của cơ quan hải quan tại cửa khẩu để đảm bảo các bộ, ngành chuyên môn phối hợp với hải quan trong việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu.

- Xác định cụ thể những cửa khẩu, nhóm hàng áp dụng cơ chế phối hợp theo hướng chỉ thực hiện tại những cửa khẩu có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn.

- Đề xuất cơ chế tài chính đối với các hoạt động phối hợp bộ, ngành và chế độ đối với cán bộ biệt phái.

- Đề xuất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai cơ chế phối hợp này.

- Đề xuất việc lựa chọn một số cửa khẩu để áp dụng cơ chế thí điểm.

Về lộ trình thực hiện:

- Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2011 trình Chính phủ thông qua đề án về cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không để thực hiện thí điểm tại một số cửa khẩu.

- Sau 01 năm kể từ ngày bắt đầu thực hiện thí điểm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổng kết việc thực hiện thí điểm cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không để triển khai trên diện rộng.

Điều 8. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế nghiên cứu và xây dựng đề án về cơ chế phối hợp thu thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả việc thu và quản lý nguồn thu từ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; bảo vệ quyền lợi của người lao động; nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế; và cắt giảm 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, góp phần nâng thứ hạng của Việt Nam trên trường quốc tế. Trước ngày 30 tháng 6 năm 2011 trình Chính phủ xem xét, quyết định,

Đề án về cơ chế phối hợp thu thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội cần tập trung nghiên cứu các nội dung:

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý việc thu thuế, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; những thất thoát thu về thuế và thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do thiếu sự chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội; kinh nghiệm quốc tế về các mô hình thu thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và những ưu điểm, nhược điểm của từng mô hình và điều kiện để triển khai những mô hình đó và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

- Xác định cơ chế thực hiện việc thu, cách thức chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội;

- Hài hòa và nâng cao hiệu quả các quy trình nghiệp vụ về thu thuế, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp để chia sẻ thông tin giữa hai cơ quan.

- Lập kế hoạch đầu tư trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin và bồi dưỡng cán bộ để phục vụ việc chia sẻ thông tin giữa hai cơ quan thuế và bảo hiểm xã hội.

Điều 9. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

Phần I

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC HẢI QUAN

A. Cấp Tổng cục thực hiện

1. Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa

a) Trước ngày 30 tháng 6 năm 2011, Bộ Giao thông vận tải phải hoàn thành quy hoạch hệ thống cảng cạn (ICD) trên toàn quốc và công bố hệ thống cảng cạn như đối với hệ thống cảng biển theo quy định tại Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006.

Trong thời gian chờ Bộ Giao thông vận tải hoàn thành quy hoạch hệ thống cảng cạn (ICD) và công bố hệ thống cảng cạn, để giải quyết thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa, Tổng cục Hải quan phải quy định trong trường hợp ICD đã được Bộ Giao thông vận tải công bố trong quy hoạch thì thực hiện theo quy hoạch; Trường hợp chưa có ICD đã được Bộ Giao thông vận tải công bố thì doanh nghiệp xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, trước khi ra quyết định, Bộ Giao thông vận tải phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

b) Phân cấp Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa cho Tổng cục Hải quan, trên cơ sở quy định:

"Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định yêu cầu, điều kiện và giao Tổng cục Hải quan ra quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa".

c) Quy định trình tự thực hiện trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm hồ sơ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ra quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập phải có văn bản trả lời doanh nghiệp và nêu rõ lý do;

d) Quy định nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đối với:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu và (hoặc) kinh doanh kho bãi;

- Luận chứng kinh tế, kỹ thuật xây dựng.

đ) Quy định thời hạn giải quyết: trong thời hạn 10 ngày làm việc ở cấp Cục Hải quan và 30 ngày làm việc ở cấp Tổng cục Hải quan, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Thủ tục áp dụng các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ tại Tổng cục Hải quan - B-BTC-047933-TT (3)

a) Xây dựng và ban hành Mẫu song ngữ Việt - Anh đối với Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và Đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan;

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp trong thông tư của Bộ là 01 bộ;

c) Sửa quy định về thành phần hồ sơ cho đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật: thay "bản gốc"/"bản sao" hoặc "bản sao có công chứng" bằng "bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực/bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự" đối với các tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ;

d) Quy định thời hạn giải quyết là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 916/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 3 năm 2008.

3. Thủ tục gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam (tại Tổng cục Hải quan) - B-BTC-047909-TT

a) Quy định những nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam và xây dựng mẫu song ngữ Việt - Anh.

b) Quy định về thời gian giải quyết đơn xin gia hạn đối với trường hợp yêu cầu giám sát dài hạn: trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Tổng cục Hải quan - B-BTC-047916-TT

a) Bổ sung các quy định về thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan đối với các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan bằng tiếng Việt - Anh.

b) Quy định thủ tục "thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hoặc nhóm hàng hóa yêu cầu bảo hộ/thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ" trong văn bản quy phạm pháp luật;

c) Quy định về thời hạn giải quyết như sau: *"Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày (đối với yêu cầu dài hạn), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đề nghị. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do";*

d) Giao Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thay thế các cụm từ: "danh mục hàng hóa", "thu hẹp hoặc mở rộng", "phạm vi yêu cầu bảo hộ" cho phù hợp với chuyên ngành quản lý.

5. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; do di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; do chính sách thay đổi; tiền thuế, tiền phạt phát sinh tại 02 Cục Hải quan - B-BTC-049635-TT

a) Quy định "Biên bản xác định mức độ thiệt hại" được lập ngay sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ có chứng kiến của UBND cấp xã, phường, thị trấn và xác nhận của UBND cấp huyện hoặc Công an cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh;

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết, giao Bộ Tài chính đề xuất cụ thể trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

6. Xét miễn thuế đối với trường hợp hàng quà biếu tặng có trị giá trên 30 triệu đồng tặng cho cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan đoàn thể xã hội hoạt động bằng ngân sách nhà nước; quà biếu tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện, nghiên cứu khoa học - B-BTC-049637-TT

a) Sửa quy định về thẩm quyền: Bộ Tài chính phân cấp cho Tổng cục Hải quan ra quyết định xét miễn trong trường hợp hàng quà biếu tặng có trị giá trên 30 triệu

đồng tặng cho cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan đoàn thể xã hội hoạt động bằng ngân sách nhà nước; quà biếu tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện, nghiên cứu khoa học;

b) Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; đối với trường hợp cần kiểm tra thực tế, thời gian giải quyết là 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7. Xác nhận thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (trường hợp xác nhận để doanh nghiệp bổ sung hồ sơ giải thể, phá sản; trường hợp xác nhận nghĩa vụ số thuế đã nộp ngân sách Nhà nước) - B-BTC-049634-TT

Phương án thay thế:

Quy định cơ quan thuế có trách nhiệm xác nhận nghĩa vụ thuế trong mọi trường hợp; xác định rõ trách nhiệm xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về người nộp thuế trong phạm vi cả nước của Tổng cục Thuế; Bộ Tài chính có trách nhiệm giao Tổng cục Thuế chủ trì, làm đầu mối, chỉ đạo các cơ quan quản lý thuế phối hợp thực hiện việc xây dựng, quản lý, khai thác, cung cấp và xác nhận hệ thống thông tin về người nộp thuế.

8. Xét miễn thuế đối với trường hợp hàng nhập khẩu phục vụ an ninh, quốc phòng, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế - B-BTC-049639-TT

Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; đối với trường hợp cần kiểm tra thực tế, thời gian giải quyết là 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do gặp khó khăn khách quan đặc biệt - B-BTC-049636-TT

a) Xây dựng và ban hành mẫu Báo cáo số tiền thuế có xác nhận của cơ quan hải quan, trong đó có hợp nhất các thông tin trong Báo cáo số tiền thuế, tiền phạt phải nộp phát sinh và tiền thuế nợ; Hồ sơ khai thuế cả số tiền thuế, tiền phạt đề nghị gia hạn; và Văn bản xác nhận của các Cục Hải quan nơi phát sinh số tiền thuế, tiền phạt đề nghị gia hạn;

b) Quy định về thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hải quan có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận số tiền thuế, tiền phạt phải nộp đề nghị gia hạn, kèm theo hồ sơ khai thuế;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng chính phủ xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

10. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Tổng cục Hải quan - B-BTC-035234-TT

Bổ sung quy định về thời gian làm việc giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp:

- Trường hợp doanh nghiệp chọn đối thoại hoặc giải trình bằng văn bản mà sau 02-03 lần giải trình bằng văn bản doanh nghiệp chưa giải trình được hết nội dung theo yêu cầu thì doanh nghiệp phải trực tiếp giải trình với cơ quan hải quan, thời gian giải trình trực tiếp không quá 01 ngày làm việc.

- Trường hợp doanh nghiệp chọn đối thoại, giải trình trực tiếp tại trụ sở cơ quan hải quan thì doanh nghiệp và cơ quan hải quan sẽ thống nhất số ngày làm việc.

B. Cấp Cục thực hiện

1. Thủ tục thành lập kho ngoại quan - B-BTC-033655-TT

a) Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 10 ngày ở cấp Cục Hải quan và 07 ngày ở cấp Tổng cục Hải quan, cụ thể như sau:

- Cục Hải quan khảo sát thực tế và kiến nghị Tổng cục ra quyết định thành lập (trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định);

- Tổng cục kiểm tra hồ sơ và ra quyết định thành lập (trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định).

b) Pháp lý hóa mẫu đơn xin thành lập kho ngoại quan và các quy định liên quan khác tại Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Tổng cục Hải quan.

2. Thủ tục di chuyển, mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan - B-BTC-033641-TT

Bổ sung quy định đối với trường hợp kho ngoại quan và kho CFS có vị trí cạnh nhau và có chung chủ sở hữu thì hệ thống tường rào ngăn cách giữa hai kho là hàng rào mềm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan.

3. Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan - B-BTC-033615-TT

a) Bổ sung trường hợp chấm dứt hoạt động kho ngoại quan đối với những kho không đủ điều kiện thành lập theo hướng dẫn mới.

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật (Điều 66 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính) đối với trường hợp doanh nghiệp có văn bản đề nghị dừng hoạt động kho ngoại quan:

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị dừng hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phải có quyết định chính thức cho phép doanh nghiệp dừng hoạt động.

- Trong thời hạn nhất định (giao Bộ Tài chính nghiên cứu và rút ngắn dần theo lộ trình), doanh nghiệp phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế, về hải quan (xử lý hàng tồn đọng...) và gửi báo cáo kết quả xử lý cho cơ quan hải quan.

4. Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ở cảng nội địa, địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu - B-BTC-117063-TT

a) Tách riêng quy định cho thủ tục: "Thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu" và "Thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa" về:

- Trình tự, cách thức thực hiện;

- Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ;

- Thời gian giải quyết.

b) Phân cấp Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục Hải quan ngoài cửa khẩu cho Tổng Cục Hải quan, trên cơ sở quy định:

"Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định điều kiện và phân cấp cho Tổng Cục Hải quan quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan theo quy định".

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục "Thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu": trong thời hạn 10 ngày làm việc ở cấp Cục Hải quan và 30 ngày làm việc ở cấp Tổng cục Hải quan, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở nội địa - B-BTC-117086-TT

a) Quy định thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị thành lập và trình tự thành lập đối với từng loại địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở nội địa, cụ thể:

- Hồ sơ thành lập địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS);

- Hồ sơ thành lập địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu;

- Hồ sơ thành lập địa điểm kiểm tra hàng hóa tại chân công trình hoặc kho của công trình, nơi sản xuất;

- Trình tự thành lập.

b) Quy định "bản sao là bản có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thành phần hồ sơ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

6. Thủ tục chuyển đổi chủ kho ngoại quan - B-BTC-117414-TT

a) Quy định "bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có ngành nghề đăng ký kinh doanh kho bãi;

- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho bãi (đối với trường hợp có thay đổi so với thực trạng kho hiện hành).

b) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tách riêng cho từng trường hợp: không có thay đổi so với kho hiện hành; và có thay đổi so với kho hiện hành; giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

7. Thủ tục mở rộng, thu hẹp kho CFS - B-BTC-117436-TT

a) Quy định về thẩm quyền quyết định *mở rộng, thu hẹp địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS);*

b) Quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết;

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

d) Bổ sung quy định đối với trường hợp kho ngoại quan và kho CFS có vị trí cạnh nhau và có chung chủ sở hữu: hệ thống tường rào ngăn cách giữa hai kho là hàng rào mềm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan.

8. Thủ tục áp dụng các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến Sở hữu trí tuệ tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố - B-BTC-047936-TT

a) Xây dựng và ban hành mẫu song ngữ Việt - Anh đối với Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu; và Đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa quy định về thành phần hồ sơ cho đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật thay "bản gốc"/"bản sao" hoặc "bản sao có công chứng" bằng "bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực/bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự" đối với các tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp trong thông tư của Bộ là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày kể từ ngày cơ quan Hải quan nhận đủ hồ sơ theo quy định. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 916/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 3 năm 2008.

9. Thủ tục gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam (tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố) - B-BTC-047913-TT

a) Quy định về những nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam bằng tiếng Việt - Anh.

b) Quy định về thời gian giải quyết đơn xin gia hạn đối với trường hợp yêu cầu giám sát dài hạn: trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố - B-BTC-047920-TT

a) Bổ sung các quy định về thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan hải quan đối với các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan hải quan bằng tiếng Việt - Anh.

b) Quy định thủ tục "thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hoặc nhóm hàng hóa yêu cầu bảo hộ/thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ trong văn bản quy phạm pháp luật;

c) Quy định về thời hạn giải quyết như sau: *"Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày (đối với đơn yêu cầu dài hạn), kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đề nghị. Trường hợp từ chối đơn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do".*

d) Giao Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thay thế các cụm từ: "danh mục hàng hóa", "thu hẹp hoặc mở rộng", "phạm vi yêu cầu bảo hộ" cho phù hợp với chuyên ngành quản lý.

11. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; do di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; do chính sách thay đổi; tiền thuế, tiền phạt phát sinh tại 02 Chi cục Hải quan - B-BTC-049643-TT

Quy định "Biên bản xác định mức độ thiệt hại" được lập sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ có chứng kiến của UBND cấp xã, phường, thị trấn và xác nhận của UBND cấp huyện hoặc Công an cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

12. Thủ tục hoàn thuế đối với các trường hợp được xét hoàn thuế theo Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu - B-BTC-050038-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" là 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13. Đăng ký danh mục hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế - B-BTC-049962-TT (17); Thủ tục đăng ký danh mục hàng hóa tạo tài sản cố định được miễn thuế nhập khẩu lần đầu cho dự án đầu tư;

a) Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan hải quan phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn trả lại hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Hải quan/Cục Hải quan theo thẩm quyền có văn bản xác nhận đăng ký của doanh nghiệp.

b) Sửa đổi quy định về nơi đăng ký danh mục như sau:

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố (phòng nghiệp vụ) nơi doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư. Trường hợp Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý hải quan đối với một số tỉnh, giao cho Chi cục Hải quan quản lý hải quan trên địa bàn tỉnh nơi có dự án đầu tư thực hiện;

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở đối với dự án không xác định được Cục Hải quan nơi thực hiện dự án đầu tư.

14. Xét miễn thuế đối với các trường hợp miễn thuế hàng quà biếu, quà tặng, hàng mẫu nằm trong định mức miễn thuế; thuốc chữa bệnh là quà biếu, quà tặng có trị giá vượt quá định mức miễn thuế nhưng do người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về cho thân nhân tại Việt Nam là gia đình có công với cách mạng, thương binh, liệt sỹ, người già yếu không nơi nương tựa; hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế - B-BTC-049975-TT (18)

Rút ngắn thời gian giải quyết: giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất thời gian cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

15. Xét giảm thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan - B-BTC-049945-TT (19)

Rút ngắn thời gian giải quyết. Thời gian cụ thể giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

16. Thủ tục xóa nợ tiền thuế, tiền phạt (thực hiện theo Thông tư số 77/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số biện pháp xử lý nợ đọng thuế - B-BTC-049986-TT (20)

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: trong vòng 03 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ, cơ quan hải quan phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn trả lại hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17. Xử lý tiền thuế nộp thừa (theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế) - B-BTC-050022-TT (21)

Sửa đổi tên thủ tục là: *"Xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa"*.

18. Thủ tục kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan - B-BTC-049641-TT (22)

Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

19. Thủ tục kéo dài thời hạn nộp thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu - B-BTC-049647-TT (23)

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan hải quan có văn bản thông báo cho doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn trả lại hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

20. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố - B-BTC-034300-TT (24)

Bổ sung quy định về thời gian làm việc giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp là "trong ngày" trong trường hợp cơ quan hải quan cần yêu cầu doanh nghiệp trực tiếp giải trình một số nội dung chưa rõ trong các hồ sơ, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp.

C. Cấp Chi cục thực hiện

1. Thủ tục xem hàng hóa trước khi khai hải quan - B-BTC-118074-TT (3)

a) Sửa quy định về trình tự thực hiện:

"3. Khi xem trước hàng hóa, người giữ hàng hóa phải lập biên bản chứng nhận, có xác nhận của người đang giữ hàng hóa, chủ hàng và công chức hải quan giám sát, *mỗi bên tham gia giữ 01 bản*.

4. Sau khi chủ hàng xem hàng hóa, Hải quan niêm phong hàng hóa. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì trong biên bản chứng nhận nêu tại Khoản 3, Điều này phải thể hiện được tình trạng hàng hóa và ghi rõ người giữ hàng hóa chịu trách nhiệm giữ nguyên trạng hàng hóa."

b) Sửa quy định về trình tự thực hiện đối với cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan: Sau khi nhận được sự chấp thuận của người đang giữ hàng hóa, chủ hàng gửi 01 bản sao giấy chấp thuận cho cơ quan hải quan và đề nghị cơ quan hải quan thông báo cụ thể thời gian mà cơ quan hải quan có thể bố trí giám sát để chủ hàng xem hàng. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan hải quan phải trả lời cho doanh nghiệp về thời gian cơ quan hải quan cử cán bộ đến giám sát để chủ hàng xem hàng.

2. Thủ tục sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan - B-BTC-118089-TT (4)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thủ tục thay tờ khai hải quan - B-BTC-118172-TT (5)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ

4. Thủ tục xác nhận thực xuất hàng hóa xuất khẩu - B-BTC-118225-TT (7)

Bãi bỏ thủ tục, thay vào đó để chứng minh hàng hóa đã thực xuất khẩu doanh nghiệp chỉ cần xuất trình tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, vận tải đơn và hóa đơn thương mại.

5. Thủ tục hủy tờ khai hải quan - B-BTC-123810-TT (8)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thủ tục hải quan xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu - B-BTC-121856-TT (11)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất - B-BTC-043346-TT (14)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Thủ tục nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-047945-TT (21)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Cụ thể hóa quy định về "*Các chứng từ khác phải có theo quy định của pháp luật liên quan"* trong điểm c3 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- Bổ sung quy định trong khoản 2 Điều 7 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005, yêu cầu người khai hải quan xuất trình "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật.

- Bổ sung một điều khoản trong Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 cho phép người khai hải quan chậm nộp "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" nếu người khai hải quan chưa thể có giấy này ngay. Đồng thời, bổ sung một điều khoản trong Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 quy định trách nhiệm của các bên (hải quan, doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra chất lượng) trong các trường hợp:

+ Doanh nghiệp quá thời hạn được chậm nộp chứng từ mà không đến nộp.

+ Cơ quan liên quan thông báo hàng không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu.

c) Xây dựng cơ chế liên thông với các bộ, ngành liên quan: chuẩn bị dự thảo các quy định về cơ chế liên thông để áp dụng khi Việt Nam xây dựng xong cơ chế một cửa quốc gia kết nối 3 đến 5 Bộ, ngành (theo lộ trình cam kết khi tham gia cơ chế một cửa ASEAN là đến năm 2012).

9. Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-047954-TT (22)

a) Đổi tên thủ tục thành: Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng hóa đặt gia công ở nước ngoài

b) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Cụ thể hóa quy định về "*Các chứng từ khác phải có theo quy định của pháp luật liên quan"* trong điểm c3 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- Bổ sung quy định yêu cầu người khai hải quan xuất trình "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật.

- Bổ sung quy định cho phép người khai hải quan chậm nộp "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" nếu người khai hải quan chưa thể có giấy này ngay. Đồng thời, bổ sung quy định trách nhiệm của các bên (hải quan, doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra chất lượng) trong các trường hợp:

+ Doanh nghiệp quá thời hạn được chậm nộp chứng từ mà không đến nộp.

+ Cơ quan liên quan thông báo hàng không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu.

d) Xây dựng cơ chế liên thông với các bộ, ngành liên quan: chuẩn bị dự thảo các quy định về cơ chế liên thông để áp dụng khi Việt Nam xây dựng xong cơ chế một cửa quốc gia kết nối 3 đến 5 Bộ, ngành (theo lộ trình cam kết khi tham gia cơ chế một cửa ASEAN là đến năm 2012).

10. Thủ tục đăng ký, kiểm tra định mức nguyên liệu đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-118615-TT (23)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thay thế thủ tục "Đăng ký" sang hình thức "Thông báo" định mức nguyên liệu đặt gia công ở nước ngoài, trong đó: quy định nội dung thông báo, thời điểm thông báo bảo đảm đủ thời gian để doanh nghiệp xác định chính xác định mức nguyên liệu. Cụ thể như sau:

- Định mức nguyên vật liệu phải được thông báo trong *[khoảng thời gian nhất định]* trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên của mã sản phẩm trong bảng thông báo định mức. Trên cơ sở trị giá lô hàng xuất khẩu, cơ quan hải quan sẽ quy định khoảng thời gian nhất định mà doanh nghiệp phải thông báo định mức. Giả sử, với lô hàng trị giá trên 100 triệu đồng, doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan hải quan trong vòng 20 ngày làm việc trước khi xuất khẩu lô hàng đó; hoặc lô hàng dưới 20 triệu

đồng, doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan hải quan trong vòng 05 ngày làm việc trước khi xuất khẩu lô hàng đó.

- Cơ quan hải quan có quyền kiểm tra bảng thông báo định mức nguyên vật liệu của doanh nghiệp ngay sau khi doanh nghiệp nhập khẩu lô hàng có định mức đã được thông báo cho cơ quan hải quan.

- Quy định cơ quan hải quan được phép kiểm tra định mức của một mẫu sản phẩm không quá *[một khoảng thời gian nhất định]*.

- Tăng cường chế tài xử phạt nếu cơ quan hải quan phát hiện có gian lận định mức.

c) Sửa đổi quy định về điều chỉnh định mức, nêu cụ thể trường hợp nào được phép điều chỉnh, không thể cứ có "văn bản giải trình lý do" là được điều chỉnh định mức, hạn chế tối đa việc điều chỉnh định mức. Điều chỉnh định mức chỉ cho phép thực hiện trước khi nhập khẩu lô hàng.

d) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục thông báo, điều chỉnh và kiểm tra định mức, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể cho phù hợp với quy trình giải quyết.

11. Thủ tục đăng ký hợp đồng gia công ở nước ngoài - B-BTC-118619-TT (24)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Thủ tục thanh khoản hợp đồng đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-118645-TT (25)

a) Bãi bỏ yêu cầu xuất trình tờ khai xuất khẩu và tờ khai nhập khẩu khi cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ thanh khoản, thay bằng quy định yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp "Bảng liệt kê số tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu có liên quan".

b) Thay đổi tên gọi đối với chủ thể thực hiện từ các doanh nghiệp, cá nhân thành thương nhân.

c) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ - B-BTC-040422-TT (27)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

14. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư - B-BTC-045581-TT (28)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sửa yêu cầu cung cấp hai bản chính tờ khai hải quan bằng việc cung cấp một bản chính tờ khai hải quan theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Quy định doanh nghiệp chỉ cần nộp hóa đơn thương mại bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể cho phù hợp với thực tế trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

đ) Sửa đổi mẫu tờ khai hàng hóa nhập khẩu, theo hướng sử dụng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh).

e) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1257/QĐ-TCHQ của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ngày 04 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giấy thông báo thuế.

15. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra cảng trung chuyển - B-BTC-046233-TT (29)

a) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp 01 bản chính tờ khai hàng trung chuyển bằng việc yêu cầu cung cấp "01 bản kê khai hàng trung chuyển" dựa trên bản kê khai hàng hóa chở trên tàu (cargo manifest) đối với hàng trung chuyển qua Việt Nam để đến nước thứ ba. Giao Tổng cục Hải quan xây dựng mẫu bản kê khai hàng trung chuyển.

Sửa quy định về cam kết của hãng tàu, yêu cầu hãng tàu cam kết chịu trách nhiệm về khai báo hàng trung chuyển theo đúng cargo manifest trên "bản kê khai hàng trung chuyển", thay cho quy định yêu cầu hãng tàu cam kết là người trực tiếp chịu trách nhiệm về hàng hóa trong container.

b) Pháp lý hóa các quy định của Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009.

16. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa là máy móc, thiết bị tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư, tài sản đi thuê, cho thuê - B-BTC-042846-TT (39)

a) Bổ sung quy định: Đối với trường hợp sau khi tạm nhập hoặc tái xuất thì máy móc thiết bị được cho biếu, tặng mà không làm thủ tục tái xuất hoặc tái nhập tại Điều 48 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"Trường hợp doanh nghiệp có văn bản đề nghị tặng máy móc, thiết bị tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư, tài sản cho thuê, đi thuê cho đối tác thuê, mượn thì hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất thực hiện thanh khoản trên tờ khai tạm nhập, tạm xuất theo quy định."

b) Quy định thành phần hồ sơ đối với thủ tục hành chính này.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

17. Thủ tục đối với linh kiện, phụ tùng tạm nhập không có hợp đồng để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài - B-BTC-043196-TT (40)

a) Bổ sung nội dung *"Hàng hóa phi mậu dịch khác" tại* Điều 69 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 để Doanh nghiệp có thể khai báo trên tờ khai phi mậu dịch:

b) Quy định thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ cần phải nộp để thực hiện thủ tục hành chính.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

d) Quy định Chi cục hải quan có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Sửa đổi mẫu HQ/2002-PMD ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ, bằng việc bổ sung song ngữ (tiếng Việt và Tiếng Anh) trong mẫu đơn đề nghị.

e) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

18. Thủ tục đối với linh kiện, phụ tùng tạm nhập để sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng ký giữa chủ tàu nước ngoài với nhà máy sửa chữa tại Việt Nam - B-BTC-122319-TT (41)

a) Cụ thể hóa quy định về thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ cần phải nộp để thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

19. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập dự hội chợ, triển lãm thực hiện theo quy định đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - B-BTC-043253-TT (42)

Bổ sung vào điểm a khoản 3 Điều 49 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 về hồ sơ chứng minh việc TNTX, TXTN hàng tham dự hội chợ, triển lãm: *Giấy mời tham dự hội chợ, triển lãm; hoặc Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức hội chợ, triển lãm.*

20. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại - B-BTC-122332-TT (44)

a) Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 51 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"c) Đối với hàng hóa tái nhập để tái chế thì thời hạn tái chế do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan hải quan; quá thời hạn đăng ký mà chưa tái xuất thì phải nộp thuế theo quy định."

Và điểm a khoản 2 Điều này bổ sung như sau: *Trường hợp hàng trả lại về Việt Nam qua cửa khẩu khác thì được làm thủ tục chuyển cửa khẩu về nơi đã làm thủ tục xuất khẩu.*

b) Phương thức thực hiện: Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

21. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan - B-BTC-122347-TT (45)

a) Bổ sung quy định: "*Trường hợp hàng xuất trả cho khách hàng nước ngoài qua cửa khẩu khác thì được làm thủ tục chuyển cửa khẩu đến cửa khẩu xuất"*

b) Phương thức thực hiện: Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Căn cứ lộ trình triển khai hải quan điện tử để sửa quy định yêu cầu nộp 01 tờ khai thay vì 02 tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo quy định hiện hành cho phù hợp.

d) Thay việc yêu cầu xuất trình bản chính tờ khai nhập khẩu trước đây bằng việc nộp bản sao có xác nhận của doanh nghiệp.

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

e) Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là: 01 bộ.

22. Thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh - B-BTC-043374-TT (57)

a) Tách Thông tư số 33/2003/TT-BTC ngày 16 tháng 04 năm 2003 quy định về thủ tục này thành 02 Thông tư riêng biệt áp dụng trong lĩnh bưu chính và lĩnh vực chuyển phát nhanh.

b) Bổ sung quy định cho thông quan sớm và nợ chứng từ đối với hàng hóa chuyển phát nhanh.

23. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan - B-BTC-046817-TT (58)

a) Sửa quy định về điều kiện hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan tại điểm a, khoản 1, Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan *thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP*, trên vận tải đơn phải ghi rõ: "hàng hóa gửi kho ngoại quan" (trường hợp trên vận đơn phần "người nhận hàng" đã ghi tên kho ngoại quan và địa chỉ nhận hàng là địa chỉ của kho ngoại quan đó thì không phải thêm cụm từ "hàng hóa gửi kho ngoại quan").

b) Tiến tới áp dụng thủ tục hải quan điện tử và thay thế bằng mẫu tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu điện tử theo mẫu 3a, 3b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 222/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn thí điểm thủ tục hải quan điện tử.

24. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào kho ngoại quan - B-BTC-123370-TT (59)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định "*Các chứng từ khác phải có theo quy định của pháp luật liên quan*" trong Điểm c3 Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- Bổ sung quy định trong khoản 2 Điều 7 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005, yêu cầu người khai hải quan xuất trình "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật.

- Bổ sung quy định cho phép người khai hải quan chậm nộp "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" nếu người khai hải quan chưa thể có giấy này ngay. Đồng thời bổ sung quy định trách nhiệm của các bên (hải quan, doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra chất lượng) trong các trường hợp:

+ Doanh nghiệp quá thời hạn được chậm nộp chứng từ mà không đến nộp.

+ Cơ quan liên quan thông báo hàng không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu.

c) Xây dựng cơ chế liên thông với các bộ, ngành liên quan: chuẩn bị dự thảo các quy định về cơ chế liên thông để áp dụng khi Việt Nam xây dựng xong cơ chế một cửa quốc gia kết nối 3 đến 5 Bộ, ngành (theo lộ trình cam kết khi tham gia cơ chế một cửa ASEAN là đến năm 2012).

25. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ kho ngoại quan đưa ra nước ngoài - B-BTC-123486-TT (60)

a) Bổ sung trong khoản 3 Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009:

Trường hợp hàng hóa từ kho ngoại quan làm thủ tục đưa ra nước ngoài nhiều lần, qua nhiều cửa khẩu khác nhau trong cùng một thời điểm thì được sử dụng tờ khai hàng nhập, xuất kho ngoại quan bản sao có đóng dấu xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan để làm thủ tục chuyển cửa khẩu từ kho ngoại quan đến cửa khẩu xuất. Kết thúc việc xuất kho, Hải quan quản lý kho Ngoại quan lưu các tờ khai hàng nhập, xuất kho ngoại quan bản sao có xác nhận của Hải quan cửa khẩu xuất cùng với tờ khai hàng nhập, xuất kho ngoại quan bản chính.

b) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

d) Sửa đổi biểu mẫu HQ/2002-KNQ ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 22 tháng 5 năm 2002 của Tổng cục hải quan quy định Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan như sau:

- Bỏ thông tin "bản lưu người khai hải quan".

- Ghi rõ giấy phép nhập khẩu (nếu có) để người khai hiểu rõ và dễ thực hiện.

- Bỏ mục 6 phần A và thông tin trong mục này.

e) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

26. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ kho ngoại quan đưa vào nội địa - B-BTC-123451-TT (61)

a) Bổ sung tại khoản 4 Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009: *Trường hợp hàng gửi kho ngoại quan làm thủ tục nhập khẩu vào nội địa nhiều lần thì hồ sơ hải quan đối với từng lần nhập khẩu được chấp nhận bộ chứng từ bản sao (gồm vận tải đơn, bản kê chi tiết hàng hóa) có đóng dấu xác nhận của Hải quan quản lý kho ngoại quan, bản chính của các chứng từ do Hải quan quản lý kho ngoại quan lưu.*

b) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

d) Quy định các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục và Chi cục.

27. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác trên lãnh thổ Việt Nam - B-BTC-046908-TT (62)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ.

28. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa chuyển quyền sở hữu trong kho ngoại quan - B-BTC-123518-TT (63)

a) Quy định các đối tượng được chuyển đổi quyền sở hữu hàng hóa trong kho ngoại quan tại khoản 6 Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009: *Chỉ được thực hiện giữa thương nhân nước ngoài với nhau hoặc giữa thương nhân nước ngoài với thương nhân Việt Nam, hoặc áp dụng cho cả các thương nhân Việt Nam với nhau.*

b) Phương thức thực hiện: Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

29. Thủ tục hải quan đối với mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới - B-BTC-046720-TT (65)

Bổ sung quy định tại Điều 6 Thông tư số 79/2009/TT-BTC: "*7. Hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới theo Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;*"

30. Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của cư dân biên giới - B-BTC-046720-TT (66)

Sửa tên thủ tục hành chính: Thủ tục hải quan đối với mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới (65) theo đúng văn bản quy phạm pháp luật

Xây dựng và ban hành kèm Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 mẫu "Bản kê hàng hóa của cư dân biên giới xuất khẩu và Bản kê hàng hóa của cư dân biên giới nhập khẩu".

31. Thủ tục hải quan đối với hoạt động mua bán hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu - B-BTC-046963-TT (67)

a) Quy định trình tự thủ tục riêng đối với: Hàng mua tại chợ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc vận chuyển vào nội địa; Hàng từ nước ngoài nhập khẩu vào chợ;

b) Xây dựng và ban hành tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu riêng (trên cơ sở tờ khai HQ/2002-XNKBG).

c) Xây dựng quy định về chế độ ưu đãi, quản lý và thống kê riêng về kim ngạch xuất khẩu/nhập khẩu hàng hóa mua, bán tại các loại chợ này.

d) Quy định số lượng của từng thành phần hồ sơ và số lượng bộ hồ sơ phải nộp tại văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

đ) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính này tại văn bản quy phạm pháp luật theo lộ trình.

e) Pháp lý hóa các quy định về thủ tục hành chính này.

32. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận tải đa phương thức - B-BTC-039497-TT (69)

a) Quy định chỉ áp dụng thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp hàng hóa giao trả cho người nhận hàng trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

c) Xóa bỏ thông tin chiều dài tuyến đường vận chuyển trong mẫu 02/BBBG2006 ban hành kèm theo Quyết định số 927/QĐ-TCHQ ngày 25 tháng 5 năm 2006.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định 927/QĐ-TCHQ ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu biểu về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu.

e) Xây dựng dự thảo thông tư mới thay thế Thông tư số 125/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2004.

33. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-120689-TT (70); Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-120690-TT (70)

a) Bổ sung quy định trong khoản 9, Điều 69 Thông tư số 79/2009/TT-BTC như sau: *Hàng hóa phi mậu dịch khác*

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

c) Sửa đổi mẫu tờ khai hàng hóa phi mậu dịch ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002 của Tổng cục Hải quan, theo hướng sử dụng song ngữ trong mẫu tờ khai (tiếng Việt và tiếng Anh).

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

34. Thủ tục hải quan đối với ôtô nước ngoài khi xuất cảnh (tái xuất) với mục đích thương mại - B-BTC-120697-TT (73)

a) Bổ sung "Giấy phép xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ được ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới hoặc Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa các nước trong khu vực" vào thành phần hồ sơ quy định tại Điều 75 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

b) Về khai báo hải quan:

- Thay đổi phương thức khai báo: từ việc yêu cầu người điều khiển phương tiện khai báo trực tiếp tờ khai phương tiện vận tải nộp cho cơ quan hải quan bằng việc xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải cho cơ quan hải quan và công chức hải quan

kiểm tra, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm, sau đó in tờ khai phương tiện vận tải từ máy in (dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải);

- Đối với phương tiện đã được cấp giấy phép liên vận thì không cần in tờ khai (cơ quan hải quan xác nhận thông quan lên giấy phép liên vận, đây là chứng cứ phương tiện đã được làm thủ tục hải quan);

- Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải.

35. Thủ tục hải quan đối với ôtô Việt Nam khi xuất cảnh (tạm xuất), nhập cảnh (tái nhập) với mục đích thương mại - B-BTC-120701-TT (74)

a) Bổ sung "Giấy phép xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ được ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới hoặc Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa các nước trong khu vực" vào thành phần hồ sơ quy định tại Điều 74, Điều 75 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

b) Về khai báo hải quan:

- Thay đổi phương thức khai báo: từ việc yêu cầu người điều khiển phương tiện khai báo trực tiếp tờ khai phương tiện vận tải nộp cho cơ quan hải quan bằng việc xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải cho cơ quan hải quan và công chức hải quan kiểm tra, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm, sau đó in tờ khai phương tiện vận tải từ máy in (dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải);

- Đối với phương tiện đã được cấp giấy phép liên vận thì không cần in tờ khai (cơ quan hải quan xác nhận thông quan lên giấy phép liên vận, đây là chứng cứ phương tiện đã được làm thủ tục hải quan);

- Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải.

36. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải thô sơ - B-BTC-123529-TT (75)

Bãi bỏ quy định theo dõi phương tiện vận tải thô sơ bằng sổ hoặc bằng máy tính tại Điều 77 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

37. Thủ tục hải quan đối với ôtô xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới, không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-120705-TT (76)

Thay đổi phương thức khai báo: từ việc yêu cầu người điều khiển phương tiện khai báo trực tiếp tờ khai phương tiện vận tải nộp cho cơ quan hải quan bằng việc

xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải cho cơ quan hải quan và công chức hải quan kiểm tra, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm, sau đó in tờ khai phương tiện vận tải từ máy in (dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải);

Đối với phương tiện đã được cấp giấy phép liên vận thì không cần in tờ khai (cơ quan hải quan xác nhận thông quan lên giấy phép liên vận, đây là chứng cứ phương tiện đã được làm thủ tục hải quan);

Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải.

38. Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh - B-BTC-042218-TT (81)

a) Quy định nộp 01 bản sao danh sách hành khách (nếu có).

b) Quy định các trường hợp công chức hải quan có quyền yêu cầu thuyền trưởng xuất trình các chứng từ như nhật ký hành trình tàu; sơ đồ hàng xếp trên tàu; các chứng từ có liên quan đến hàng hóa đang vận chuyển trên tàu.

39. Thủ tục sửa chữa, điều chỉnh bản khai hàng hóa (cargo declaration) - B-BTC-120721-TT (83)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ đối với việc điều chỉnh bản khai hàng hóa phát sinh do việc điều chỉnh vận tải đơn chặng chính (master B/L) do hãng tàu phát hành:

- Yêu cầu sửa chữa, điều chỉnh vận tải đơn của người gửi hàng ở nước ngoài (được chấp nhận bản in từ thư điện tử);

- Điện xác nhận của chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu từ nước ngoài về nội dung điều chỉnh;

- Bản khai hàng hóa điều chỉnh;

- Vận đơn đã điều chỉnh và vận tải đơn chưa điều chỉnh (bản sao);

- Văn bản ủy quyền của chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu cho người được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan để xin điều chỉnh nội dung bản khai hàng hóa.

b) Sửa quy định về thành phần hồ sơ đối với điều chỉnh manifest phát sinh do việc điều chỉnh vận tải đơn chặng phụ (house B/L) do các công ty giao nhận phát hành thì bộ hồ sơ đề nghị sửa chữa, điều chỉnh bản khai hàng hóa nhập khẩu gồm các chứng từ sau:

- Yêu cầu sửa chữa, điều chỉnh vận tải đơn của người gửi hàng ở nước ngoài (được chấp nhận bản in từ thư điện tử của người gửi hàng) kèm theo bản sao các vận đơn đã điều chỉnh và vận đơn chưa điều chỉnh;

- Điện xác nhận của công ty giao nhận nước ngoài về nội dung điều chỉnh;

- Văn bản ủy quyền của công ty giao nhận nước ngoài hoặc đại lý của công ty giao nhận nước ngoài cho người được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan để xin điều chỉnh nội dung bản lược khai hàng hóa.

Trong trường hợp Công ty giao nhận tại Việt Nam có ký Hợp đồng đại lý giao nhận với Công ty giao nhận nước ngoài, nếu xuất trình Hợp đồng khi xin điều chỉnh manifest thì đơn xin điều chỉnh tại điểm c do chính Công ty giao nhận tại Việt Nam ký và không cần giấy ủy quyền theo điểm đ nêu tại khoản 1 Điều 87 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

40. Thủ tục hải quan đối với tàu liên vận quốc tế nhập cảnh bằng đường sắt - B-BTC-120705-TT (86)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ tại Điều 91 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"1. Tại ga liên vận biên giới: sửa đổi điểm a.1, a.2, a.3, b.7 và bổ sung điểm a.6:

a.1) Giấy giao tiếp hàng hóa (đối với tàu chở hàng hóa): 01 bản chính;

a.2) Vận tải đơn: 01 bản sao liên 2.

a.3) Giấy giao tiếp toa xe: 01 bản chính;

a.6) Danh sách, tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên tàu (đối với đoàn tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận biên giới): 01 bản chính;

b.7) ....bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống ga liên vận nội địa: 01 bản chính; vận tải đơn dỡ hàng tại ga liên vận nội địa: 01 bản sao liên 2; biên bản bàn giao 01 bản...

2. Tại ga liên vận nội địa: sửa đổi, bổ sung điểm a.2, a.3:

a.2) Danh sách hành khách và phiếu gửi hành lý không theo người của hành khách (đối với tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận nội địa): 01 bản chính.

a.3) Danh sách, tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên tàu (đối với đoàn tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận nội địa): 01 bản chính"

b) Pháp lý hóa và sửa đổi mẫu tờ khai Bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống từng ga liên vận nội địa được ban hành kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009 theo hướng sử dụng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh).

c) Pháp lý hóa các quy định của Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009.

41. Thủ tục hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh bằng đường sắt - B-BTC-121273-TT (87)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ tại Điều 92 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"1. Tại ga liên vận nội địa: sửa đổi điểm a.1, a.2, b.5 và bổ sung điểm a.3, a.4:

a.1) Bản xác báo thứ tự lập tàu *(đối với đoàn tàu khách liên vận làm thủ tục hải quan tại ga liên vận nội địa):* 01 bản chính;

a.2) Vận tải đơn: 01 bản sao liên 2 (đối với tàu có toa xe chở hàng xuất khẩu);

a.3) Danh sách, tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên tàu (đối với đoàn tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga nội địa): 01 bản chính;

a.4) Danh sách hành khách và phiếu gửi hành lý không theo người của hành khách (đối với tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga nội địa): 01 bản chính.

b.5) Niêm phong hồ sơ hải quan gồm: biên bản bàn giao 01 bản; vận tải đơn 01 bản sao liên 2...

2. Tại ga liên vận biên giới: Sửa đổi điểm a.2 và a.3:

a.2) Bản xác báo thứ tự lập tàu 01 bản chính có đóng dấu của ga biên giới (nếu là tàu chuyên chở hàng hóa);

a.3) Giấy giao tiếp toa xe, Giấy giao tiếp hàng hóa (đối với tàu chở hàng hóa): 01 bản chính."

b) Pháp lý hóa và sửa đổi mẫu tờ khai Bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống từng ga liên vận nội địa được ban hành kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009 theo hướng sử dụng song ngữ (sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh).

c) Pháp lý hóa các quy định của Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009.

42. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật phẩm, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ - B-BTC-046163-TT (91)

a) Quy định số lượng các loại giấy tờ cần phải nộp trong thành phần hồ sơ.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

c) Sửa đổi bảng kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 93/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, theo hướng:

- Chỉ yêu cầu cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho mục đích quản lý trong bảng kê;

- Bãi bỏ yêu cầu chụp bản kê theo khổ giấy A3;

- Đưa mẫu bảng kê lên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính và trang thông tin điện tử của ngành Hải quan để tổ chức cá nhân dễ dàng tiếp cận biểu mẫu từ trang thông tin điện tử.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 93/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2008.

43. Thủ tục hải quan đối với xăng dầu tạm nhập tái xuất - B-BTC-046222-TT (94)

Sửa quy định nộp 01 bản chính tờ khai hải quan thay vì nộp 02 bản chính theo quy định hiện hành khi triển khai theo phương thức điện tử.

44. Thủ tục hải quan đối với tái xuất xăng, dầu cho tàu bay - B-BTC-047254-TT (95)

Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

45. Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu, tạm nhập xăng dầu - B-BTC-045342-TT (96)

a) Sửa quy định nộp 01 bản chính tờ khai hải quan thay vì nộp 02 bản chính theo quy định hiện hành khi triển khai theo phương thức điện tử.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

46. Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu - B-BTC-121300-TT (97)

a) Đưa mẫu HQ/2002-NK "Tờ khai nhập khẩu" nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1257/QĐ-TCHQ ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ hải quan.

47. Thủ tục hải quan đối với ngoại hối, kim khí quý, đá quý, tiền Việt Nam xuất khẩu, nhập khẩu - B-BTC-039480-TT (98)

a) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

b) Sử dụng song ngữ Anh - Việt trên Tờ khai Hải quan phi mậu dịch.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ hải quan.

48.Thủ tục hải quan đối với hành lý ký gửi bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn tại sân bay quốc tế - B-BTC-042232-TT (100)

a) Quy định trong thành phần hồ sơ "Chứng từ chứng minh quyền sở hữu đối với hàng hóa, hành lý ký gửi" bao gồm những loại chứng từ nào?

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

49. Thủ tục hải quan đối với hành lý xách tay, ký gửi cùng chuyến và không cùng chuyến của người nhập cảnh đường hàng không - B-BTC-123588-TT (101)

a) Bỏ quy định yêu cầu công chứng đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ, thay bằng bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu:

- Quyết định hoặc giấy báo tin của cơ quan công an cho phép cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư ở Việt Nam (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Hộ chiếu Việt Nam hoặc Giấy tờ thay hộ chiếu Việt Nam còn có giá trị về nước thường trú, có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển tài sản của tổ chức ra nước ngoài (đối với trường hợp xuất khẩu).

Khi kiểm tra, đối chiếu, công chức hải quan phải xác nhận đã đối chiếu bản chính với bản sao. Trường hợp hồ sơ liên quan đến việc giải quyết xét miễn, giảm, hoàn thuế thì phải nộp bản sao có chứng thực.

b) Xây dựng lại mẫu tờ khai HQ/2002-PMD, sử dụng song ngữ Anh - Việt và đưa mẫu tờ khai HQ/2002-PMD lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

50. Thủ tục xác nhận tờ khai nguồn gốc xe ôtô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu - B-BTC-046531-TT (103)

Bãi bỏ thủ tục này.

51. Thủ tục hải quan nhập khẩu, tạm nhập xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-123591-TT (104)

a) Bỏ quy định yêu cầu công chứng đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ, thay bằng bản sao và yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Khi kiểm tra, đối chiếu, công chức hải quan phải xác nhận đã đối chiếu bản chính lên bản sao. Trường hợp hồ sơ liên quan đến việc giải quyết xét miễn, giảm, hoàn thuế thì phải nộp bản sao công chứng.

- Quyết định hoặc giấy báo tin của cơ quan công an cho phép cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư ở Việt Nam (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Hộ chiếu Việt Nam hoặc Giấy tờ thay hộ chiếu Việt Nam còn có giá trị về nước thường trú, có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển tài sản của tổ chức ra nước ngoài (đối với trường hợp xuất khẩu).

b) Xây dựng lại mẫu tờ khai HQ/2002-PMD, sử dụng song ngữ Anh - Việt và đưa mẫu tờ khai HQ/2002-PMD lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

d) Quy định các giấy tờ liên quan khác (quy định tại điểm 1.3, mục 1, phần II, Thông tư số 16/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Bộ Tài chính) theo hướng quy định một số các giấy tờ chính mà đối tượng nào cũng phải cung cấp, còn những giấy tờ liên quan khác thì người nhập khẩu, tạm nhập khẩu thuộc đối tượng nào thì cung cấp giấy tờ liên quan thuộc đối tượng đó theo quy định tại các văn bản

quy phạm pháp luật liên quan (văn bản này có thể của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành khác hoặc của liên Bộ.

đ) Không yêu cầu bản sao công chứng đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ. Theo đó, khi kiểm tra, đối chiếu, công chức hải quan phải xác nhận đã đối chiếu bản chính lên bản sao. Trường hợp hồ sơ liên quan đến việc giải quyết xét miễn, giảm, hoàn thuế thì phải nộp bản sao công chứng:

- Sổ hộ khẩu;

- Quyết định của cơ quan nhà nước cử đi công tác, làm việc, làm chuyên gia ở nước ngoài;

- Quyết định hoặc Giấy báo tin của cơ quan Công an cho phép cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư tại Việt Nam.

Chỉ yêu cầu 01 bản sao kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu đối với các loại giấy tờ trên.

52. Thủ tục nhập khẩu kim cương thô - B-BTC-123596-TT (105)

a) Đưa mẫu tờ khai hải quan lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

b) Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính này cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

53. Thủ tục xuất khẩu kim cương thô - B-BTC-123602-TT (106)

a) Áp dụng cơ chế liên thông giữa Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP và Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu kim cương thô theo hướng sau: Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ hải quan cho cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm gửi 01 bộ hồ sơ cho Phòng quản lý xuất nhập khẩu của Bộ Công thương yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận KP. Trong thời gian nhất định, Phòng quản lý xuất nhập khẩu phải chuyển cho cơ quan hải quan Giấy chứng nhận KP qua email và theo đường văn thư.

b) Thống nhất về trình tự thực hiện của Thủ tục hải quan xuất khẩu kim cương thô và Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP, thủ tục nào làm trước, thủ tục nào làm sau. Quy định lại thành phần hồ sơ của 2 thủ tục tránh trường hợp đồng thời xảy ra hồ sơ của thủ tục này bao gồm kết quả giải quyết của thủ tục kia và ngược lại.

c) Đưa mẫu tờ khai hải quan lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

d) Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính này cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

54. Thủ tục nhập khẩu xe ôtô đã qua sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam - B-BTC-123604-TT (107)

a) Sử dụng song ngữ Việt - Anh trong mẫu Tờ khai hải quan phi mậu dịch HQ-2002-PMD và đưa mẫu tờ khai hải quan lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

55. Thủ tục gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam (tại Chi cục Hải quan) - B-BTC-047915-TT (179)

b) Quy định về những nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam bằng tiếng Việt - Anh.

c) Quy định về thời gian giải quyết đơn xin gia hạn đối với yêu cầu giám sát dài hạn: trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo yêu cầu.

56. Thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Chi cục Hải quan - B-BTC-047922-TT (180)

a) Bổ sung các quy định về thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan đối với các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan bằng tiếng Việt - Anh.

b) Quy định thủ tục "thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hoặc nhóm hàng hóa yêu cầu bảo hộ/thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ trong văn bản quy phạm pháp luật.

c) Quy định về thời hạn giải quyết đối với đơn yêu cầu dài hạn như sau: "Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày,

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đề nghị. Trường hợp từ chối đơn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do".

d) Giao Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thay thế các cụm từ "danh mục hàng hóa", "thu hẹp hoặc mở rộng", "phạm vi yêu cầu bảo hộ" cho phù hợp với nghiệp vụ giám sát hải quan và quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ

57. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; do di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; do chính sách thay đổi mà tiền thuế, tiền phạt phát sinh tại 01 Chi cục Hải quan; - B-BTC-050149-TT (181)

a) Quy định "Biên bản xác định mức độ thiệt hại" được lập ngay sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ có chứng kiến của UBND cấp xã, phường, thị trấn và xác nhận của UBND cấp tỉnh hoặc Công an cấp Quận, Huyện, Thành phố thuộc tỉnh.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết, theo đó Bộ Tài chính đề xuất cụ thể theo lộ trình.

58. Xác nhận thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (trong trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế nhưng hệ thống KT 559 vẫn có thông tin nợ thuế) - B-BTC-050168-TT (184)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

59. Thủ tục áp dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho 01 tờ khai hải quan (bảo lãnh riêng) - B-BTC-050074-TT (188)

Bỏ yêu cầu nộp Hợp đồng bảo lãnh, chỉ cần yêu cầu nộp Thư bảo lãnh.

60. Thủ tục khai nộp bổ sung tiền thuế thiếu trong trường hợp không đủ điều kiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo Điều 34 Luật Quản lý thuế - B-BTC-050084-TT (189)

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

61. Thủ tục áp dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho nhiều tờ khai (bảo lãnh chung) - B-BTC-121877-TT (191)

Bỏ yêu cầu nộp Hợp đồng bảo lãnh, chỉ cần yêu cầu nộp Thư bảo lãnh.

62. Thủ tục xóa nợ tiền thuế, tiền phạt theo quy định tại Điều 65 Luật Quản lý thuế - B-BTC-050161-TT (196)

a) Quy định đối với các trường hợp phức tạp do Tổng cục Hải quan giải quyết.

b) Thời gian giải quyết: đối với Tổng cục Hải quan, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Hải quan phải trình Bộ Tài chính.

c) Sửa quy định về hồ sơ xóa nợ: cơ quan hải quan trực tiếp quản lý lập và gửi cho Cục Hải quan xác nhận trước khi gửi Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định.

II. LĨNH VỰC THUẾ

A. Cấp Tổng Cục thực hiện

1. Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (đăng ký lần đầu) - B-BTC-044725-TT (1)

a) Pháp lý hóa mẫu đơn đăng ký dự thi đã ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009.

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

c) Pháp lý hóa thời hạn giải quyết và các quy định khác của Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009 trong Thông tư của Bộ.

d) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện đối với trường hợp nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường bưu chính.

2. Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (đăng ký lại các môn chưa đạt hoặc đăng ký thi lại các môn chưa thi)- B-BTC-044715-TT (2)

a) Quy định trong thành phần hồ sơ "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với giấy Chứng nhận điểm thi do Hội đồng thi thông báo (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2008/TT-BTC ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Tài chính).

b) Pháp lý hóa mẫu đơn đăng ký dự thi đã được ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Pháp lý hóa thời hạn giải quyết và các quy định khác của Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính.

e) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện đối với trường hợp nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường bưu chính.

3. Đăng ký hoạt động (hành nghề) đối với đại lý thuế - Đăng ký hoạt động lần đầu - B-BTC-111415-TT (3)

a) Bỏ quy định "bản sao có công chứng hoặc chứng thực" thay bằng "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ghi ngành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

b) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

B. Cấp Cục thuế thực hiện

1. Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 1 thành viên được thành lập trên cơ sở chia công ty cùng loại (7)- B-BTC-044014-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở chia công ty cùng loại (8)- B-BTC-044026-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chia công ty cùng loại (9)-B-BTC-044029-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 1 thành viên được thành lập trên cơ sở tách công ty cùng loại (10)-B-BTC-044237-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở tách công ty cùng loại (11)-B-BTC-044242-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở tách công ty cùng loại (12)-B-BTC-044247-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 1 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất các công ty cùng loại (13)-B-BTC-044270-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất các công ty cùng loại (14)-B-BTC-044653-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất các công ty cùng loại (15)-B-BTC-044662-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT trong trường hợp công ty TNHH chuyển thành công ty cổ phần (16)-B-BTC-044670-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT trong trường hợp công ty cổ phần chuyển thành công ty TNHH (17)-B-BTC-044676-TT; Thủ tục Đăng ký thuế

lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh doanh, trừ Hợp tác xã, tổ hợp tác (trừ các đơn vị trực thuộc) - Trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông (18)-B-BTC-044682-TT.

a) Quy định về thành phần hồ sơ: "Bản sao không yêu cầu chứng thực" thay thế cho các từ "Bản sao hợp lệ"/"Bản sao" các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ.

b) Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ đăng ký thuế là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký thuế (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế kê khai sót).

d) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài Chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

2. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp nộp thuế tại Việt Nam (22)-B-BTC-044695-TT

a) Quy định "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam;

- Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề độc lập, giấy chứng nhận đăng ký thuế.

b) Quy định thời hạn giải quyết 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

3. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với Ban điều hành dự án thực hiện hợp đồng của nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp nộp thuế tại Việt Nam (23)-B-BTC-044700-TT

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ: thay "Giấy phép đầu tư, Giấy phép thầu của Ban điều hành dự án nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp thực hiện hợp

đồng (nếu có)" bằng "Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép thầu của Ban điều hành dự án nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp thực hiện hợp đồng".

b) Sửa "Hợp đồng ký kết với bên Việt Nam (bản trích lục tiếng Việt)" thành "Hợp đồng ký với bên Việt Nam (bản dịch Tiếng Việt)" trong thành phần hồ sơ.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại Cục thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế kê khai sai sót).

4. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với trường hợp nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài không trực tiếp nộp thuế tại Việt Nam (24)-B-BTC-044702-TT; (6)-B-BTC-076060-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa "Hợp đồng ký với nhà thầu nước ngoài (bản trích lục tiếng Việt)" thành "Hợp đồng ký với nhà thầu nước ngoài (bản dịch Tiếng Việt)" trong thành phần hồ sơ.

b) Sửa "Bản kê danh sách các nhà thầu phụ..... Bên Việt Nam ký hợp đồng phải thực hiện kê khai đăng ký thuế cho từng nhà thầu, nhà thầu phụ theo "Phụ lục tờ khai đăng ký thuế - Mẫu số 04.2-ĐK-TCT" thành "Bản kê danh sách các nhà thầu phụ.... Bên Việt Nam ký hợp đồng phải thực hiện kê khai đăng ký thuế cho từng nhà thầu theo "Tờ khai đăng ký thuế - Mẫu số 04.2-ĐK-TCT".

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại Cục thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế kê khai sai sót).

5. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với trường hợp nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, bên nước ngoài tham gia hợp đồng, hợp tác kinh doanh, kê khai nộp thuế thông qua bên Việt Nam (25)-B-BTC-044707-TT; (7)-B-BTC-076461-TT (cấp cục và chi cục)

a) Đề nghị sửa "Hợp đồng ký với bên Việt Nam (bản trích lục tiếng Việt)" thành "Hợp đồng ký với bên Việt Nam (bản dịch Tiếng Việt)" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam;

- Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề độc lập, giấy chứng nhận đăng ký thuế.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế (NNT) kê khai sót).

6. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam (26)-B-BTC-044729-TT

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

c) Sửa nội dung trong Tờ khai đăng ký thuế (Mẫu số: 06-ĐK-TCT) ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài Chính như sau:

Thay "Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao xác nhận Cơ quan đại diện nêu trên thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng" thành "Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao xác nhận Cơ quan đại diện nêu trên thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao".

7. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức được ủy quyền thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật; các chủ dự án, các nhà thầu chính nước ngoài của các dự án ODA; tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân nhưng đơn vị không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (27)-B-BTC-044731-TT; (8)-B-BTC-076555-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

c) Sửa đổi mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

8. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho trường hợp mất Giấy chứng nhận đăng ký thuế (28)- B-BTC-044735-TT; (9)-B-BTC-076579-TT 9. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký thuế bị rách, nát (29) -B-BTC-044737-TT; (10)-B-BTC-076590-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa tên thủ tục hành chính thành: "Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho trường hợp mất, rách, nát Giấy chứng nhận đăng ký thuế (Trừ trường hợp qua một cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương)".

b) Ban hành kèm mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế gồm các nội dung: Tên, địa chỉ, mã số thuế, lý do đề nghị cấp lại và cam đoan chịu trách nhiệm về việc khai báo và sử dụng mã số thuế. Không yêu cầu cung cấp thông tin về "nguyên nhân mất và nơi mất".

c) Bỏ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư, Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong thành phần hồ sơ.

d) Quy định thời gian giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục Cấp lại Thẻ mã số thuế cá nhân (30)-B-BTC-044743-TT; (11)-B-BTC-076599-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa nội dung phần "Trình tự thực hiện" của thủ tục này như sau: "cá nhân mất Thẻ mã số thuế cá nhân hoặc thẻ bị rách, nát, hỏng thì phải làm Đơn đề nghị cơ quan Thuế cấp mã số thuế để được cấp lại. ..."

b) Ban hành kèm mẫu Đơn đề nghị cấp lại Thẻ mã số thuế cá nhân gồm các nội dung: Tên, địa chỉ, mã số thuế, lý do đề nghị cấp lại và cam đoan chịu trách nhiệm về việc khai báo và sử dụng Thẻ mã số thuế cá nhân được cấp lại.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhận sáp nhập (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (31)-B-BTC-044746-TT; (12)-B-BTC-076637-TT (cấp cục và chi cục).

a) Sửa yêu cầu "bản sao có chứng thực" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp Sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp đối với doanh nghiệp bị hợp nhất, bị sáp nhập (32)-B-BTC-044747-TT; (13)-B-BTC-076832-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa tên thủ tục hành chính này thành: "Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp bị hợp nhất, bị sáp nhập trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp".

b) Quy định thời gian và làm rõ mốc tính thời gian cơ quan Thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp bị hợp nhất/bị sáp nhập ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất/bị sáp nhập.

c) Bổ sung quy định làm rõ số lượng hồ sơ khai thuế mà doanh nghiệp bị hợp nhất/bị sáp nhập phải gửi cho cơ quan Thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi sáp nhập/hợp nhất (tổ chức lại doanh nghiệp) là 01 bộ.

12. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp tách doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được tách (33)- B-BTC-044750-TT; (14)-B-BTC-076841-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa quy định yêu cầu "bản sao có chứng thực" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

13. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp tách doanh nghiệp đối với doanh nghiệp bị tách (34)-B-BTC-044480-TT; (15)-B-BTC-076862-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định trình tự thực hiện thủ tục hành chính gắn với việc doanh nghiệp được tách được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và quy định thời gian doanh nghiệp bị tách phải làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế kể từ thời điểm doanh nghiệp được tách được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chia doanh nghiệp đối với doanh nghiệp mới được chia (35)-B-BTC-044484-TT; (16)-B-BTC-076874-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa quy định yêu cầu cung cấp "bản sao có chứng thực" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mới được chia trong thành phần hồ sơ gắn với thủ tục đăng ký kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

15. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chia doanh nghiệp đối với doanh nghiệp bị chia (36)-B-BTC-044486-TT; (17)-B-BTC-076894-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa tên thủ tục hành chính này thành: "Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp bị chia trong trường hợp chia doanh nghiệp".

b) Quy định thời gian cơ quan Thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp bị chia ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị chia.

c) Bổ sung quy định làm rõ số lượng hồ sơ khai thuế mà doanh nghiệp bị chia phải gửi cho cơ quan Thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp (bị chia) là 01 bộ.

16. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (37)-B-BTC-044488-TT; (18) (cấp cục và chi cục)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu cung cấp "bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp chuyển đổi" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp chuyển đổi".

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chuyển doanh nghiệp trực thuộc thành doanh nghiệp độc lập (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (38) - B-BTC-044490-TT.

a) Sửa thành phần hồ sơ từ bản gốc sang bản sao (không yêu cầu chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mới sau khi chuyển đổi từ phụ thuộc sang độc lập.

b) Bỏ "Quyết định chuyển đổi doanh nghiệp" trong thành phần hồ sơ.

c) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

d) Sửa mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 ngày 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

18. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chuyển doanh nghiệp độc lập thành doanh nghiệp trực thuộc (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (39)- B-BTC-112256-TT; (20)- B-BTC-111713-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bổ sung quy định về thời hạn đăng ký thuế lại đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ độc lập sang phụ thuộc là "10 (mười) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới".

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

19. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp bán doanh nghiệp (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (40)-B-BTC-044492-TT; (21)-B-BTC-043566-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

20. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp Sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hợp nhất (41)-B-BTC-044768-TT; (22)-B-BTC-076945-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 ngày 7 tháng 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

21. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp đổi tên cơ sở kinh doanh (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông) (42) -B-BTC-044499-TT; (23)-B-BTC-076970-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định bản sao không yêu cầu chứng thực đối với "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh theo tên mới" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

22. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh trong cùng địa bàn tỉnh (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (43)-B-BTC-044501-TT; (24)-B-BTC-076982-TT (cấp cục và chi cục)

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

23. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh giữa các tỉnh tại nơi NNT chuyển đi (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (44)-B-BTC-044503-TT; (25)-B-BTC-076848-TT (Cấp cục và chi cục)

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

24. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh giữa các tỉnh tại nơi NNT chuyển đến (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (45)-B-BTC-044753-TT; (26)-B-BTC-077013-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định bản sao không yêu cầu chứng thực đối với "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh nơi chuyển đến cấp" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định.

25. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Thay đổi các chỉ tiêu khác trên tờ khai đăng ký thuế không làm thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký thuế (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (46)-B-BTC-044756-TT; (27)-B-BTC-075930-TT (cấp cục và chi cục)

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định.

26. Thủ tục Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp (47)-B-BTC-044759-TT;(28)-B-BTC-077022-TT; Thủ tục Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với đơn vị có các đơn vị trực thuộc (48)-B-BTC-044760-TT; (29)-B-BTC-077026-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bổ sung quy định về các đối tượng phải thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp.

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ đối với từng trường hợp phải thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

c) Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan thuế và thời hạn cơ quan thuế phải thực hiện quyết toán các nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Quy định trong thời hạn nhất định nếu cơ quan thuế không thực hiện kiểm tra quyết toán thuế cho doanh nghiệp thì số liệu quyết toán thuế do doanh nghiệp báo cáo coi như được chấp thuận

27. Thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) dành cho dự án đầu tư (50)-B-BTC-044179-TT; (31)-B-BTC-081473-TT (cấp cục và chi cục)

Bỏ quy định việc gửi chi tiết bảng kê hóa đơn HHDV mua vào (Mẫu 01-2/GTGT ban hành kèm Thông tư số 60/2007/TT-BTC) đến cơ quan thuế trong thành phần hồ sơ; doanh nghiệp lưu tại trụ sở và xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu.

28. Thủ tục Khai thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT và cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý và ngoại tệ (51)--B-BTC-044183-TT; (32)-B-BTC-081476-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa đổi một số chi tiết tại Tờ khai thuế - Mẫu số 03/GTGT ban hành kèm Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 đối với các nội dung sau:

- Bỏ dòng hàng hóa tồn kho đầu kỳ;

- Bổ sung thêm cột "Tổng cộng" để cán bộ thuế kiểm tra tính toán được thuận lợi. Trong trường hợp NNT không tách bạch được doanh thu, giá vốn theo từng mức thuế suất thì sẽ khai vào cột tổng cộng và tính theo mức thuế suất cao nhất.

c) Phân loại NNT để các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy mô nhỏ thực hiện khai thuế theo quý, không phải khai thuế hàng tháng. Điều này cũng phù hợp với việc khai thuế TNCN tạm nộp hàng quý của các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

d) Phương án lâu dài: triển khai xây dựng ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng để tất cả những NNT nào có doanh thu trên ngưỡng phải tiến hành kê khai theo phương pháp khấu trừ, dưới ngưỡng thực hiện phương pháp khoán để giảm chi phí NNT thực hiện kê khai cũng như chi phí quản lý của cơ quan thuế đối với các đối tượng này.

29. Thủ tục Khai quyết toán thuế GTGT năm theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT (52)-B-BTC-044188-TT-33CCT; (33)-B-BTC-081482-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa đổi một số chi tiết tại Tờ khai thuế - Mẫu số 04/GTGT ban hành kèm Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 đối với các nội dung sau:

- Bỏ dòng hàng hóa tồn kho đầu kỳ

- Bổ sung thêm cột "Tổng cộng" để cán bộ thuế kiểm tra tính toán được thuận lợi. Trong trường hợp NNT không tách bạch được doanh thu, giá vốn theo từng mức thuế suất thì sẽ khai vào cột tổng cộng và tính theo mức thuế suất cao nhất.

b) Phương án lâu dài: xây dựng ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng để tất cả những NNT nào có doanh thu trên ngưỡng phải tiến hành kê khai theo phương pháp khấu trừ, dưới ngưỡng thực hiện phương pháp khoán để giảm chi phí NNT thực hiện kê khai cũng như chi phí quản lý của cơ quan thuế đối với các đối tượng này.

30. Thủ tục Khai thuế GTGT năm theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu (53)-B-BTC-044201-TT-34CCT; (34)-B-BTC-081485-TT (Cấp cục và chi cục)

a) Sửa đổi Tờ Khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 05/GTGT với các tỷ lệ giá trị gia tăng trên doanh thu đối với từng nhóm ngành nghề thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

b) Quy định thống nhất tỷ lệ giá trị gia tăng trên doanh thu đối với từng nhóm ngành nghề trên phạm vi toàn quốc.

c) Phân loại NNT để giảm tần suất bắt buộc kê khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng hiện nay xuống còn 3 tháng/lần đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình có thể áp dụng việc kê khai 6 tháng/lần.

d) Phương án lâu dài: xây dựng ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng để tất cả những NNT nào có doanh thu trên ngưỡng phải tiến hành kê khai theo phương pháp khấu trừ, dưới ngưỡng thực hiện phương pháp khoán để giảm chi phí NNT thực hiện kê khai cũng như chi phí quản lý của cơ quan thuế đối với các đối tượng này.

31. Thủ tục Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh (54)-B-BTC-044207-TT-35CCT; (35)-B-BTC-075933-TT (cấp cục và chi cục)

Sửa quy định trong chính sách thuế GTGT, bỏ quy định về khai thuế GTGT vãng lai theo tỷ lệ %. Khi bỏ thủ tục này, NNT khai thuế GTGT từ hoạt động bán hàng, xây dựng cơ bản vãng lai chung với hồ sơ khai thuế GTGT tại trụ sở chính của đơn vị để đơn giản trong quản lý. Toàn bộ thuế GTGT đầu ra, đầu vào được khấu trừ của NNT được khai duy nhất tại nơi NNT đóng trụ sở chính và có đăng ký thuế với cơ quan thế quản lý.

32. Thủ tục Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý (56)-B-BTC-075934-TT-37CCT; (37)-B-BTC-075934-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp:

- Khai tạm nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của các cơ sở sản xuất phụ thuộc tại các địa phương; và

- Lập riêng chứng từ nộp thuế cho từng Kho bạc Nhà nước nơi thu ngân sách.

Thay vào đó, khi khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý, cơ quan thuế chỉ yêu cầu doanh nghiệp liệt kê các cơ sở sản xuất phụ thuộc tại từng địa phương và ước tính chi phí cho từng đơn vị này.

b) Sửa một số chi tiết mẫu tờ khai 01A/TNDN và 01B/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC:

- Bổ sung các thông tin về chi phí của từng cơ sở phụ thuộc ở từng địa phương và tổng chi phí của doanh nghiệp.

- Bổ sung chỉ tiêu xác định việc chia lỗ (chuyển lỗ) của năm trước.

- Hướng dẫn cách xác định tỉ lệ thu nhập chịu thuế/doanh thu trên tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 01B/TNDN.

c) Sửa Mẫu Phụ lục Doanh thu từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mẫu số 01-1/TNDN) - Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính theo hướng:

- Không kê chi tiết mà tập hợp theo từng lô bất động sản chuyển quyền.

- Thay đổi tên phụ lục từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất bằng chuyển nhượng bất động sản.

33. Thủ tục Khai thuế TNDN tính theo tỷ lệ thu nhập trên doanh thu (58)-B-BTC-112522-TT-39CCT; (39)-B-BTC-084286-TT (cấp cục và chi cục)

Sửa một số chi tiết tại Mẫu tờ khai 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC:

- Chuyển các dòng chỉ tiêu hiện có thành cột và các dòng sẽ là tên các ngành nghề;

- Bỏ 2 chỉ tiêu: "Hàng hóa tồn kho đầu kỳ" và "Hàng hóa dịch vụ mua trong kỳ".

34. Thủ tục Khai thuế TNDN khấu trừ từ tiền hoa hồng đại lý (59)-B-BTC-112523-TT-40CCT; (40)-B-BTC-084289-TT (cấp cục và chi cục)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

35. Thủ tục Khai quyết toán thuế TNDN (60)-B-BTC-040258-TT-41CCT; (41)-B-BTC-084296-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định doanh nghiệp đã nộp báo cáo tài chính theo Luật Kế toán không phải nộp báo cáo tài chính khi khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Doanh nghiệp chỉ nộp một lần và nộp duy nhất 1 bản).

b) Sửa phụ lục chuyển lỗ Mẫu 03-2.

c) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các mẫu và phụ lục ưu đãi, miễn giảm thuế:

- Sửa Mẫu 03-4A/TNDN;

- Phụ lục số 03-4Đ/TNDN: bỏ nội dung bán sản phẩm sản xuất thử;

- Phụ lục 03-4E/TNDN- Bổ sung người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV;

- Bỏ Phụ lục 03-4G/TNDN;

d) Bỏ Mẫu 03-3/TNDN. Xây dựng và ban hành mẫu mới với các tiêu thức phù hợp với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: thuế suất (không còn thuế thu nhập bổ sung), lỗ chuyển nhượng bất động sản hạch toán riêng để bù trừ lãi của hoạt động này.

36. Thủ tục Khai thuế tiêu thụ đặc biệt (61)-B-BTC-040575-TT -42CCT;(42)-B-BTC-084336-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa Mẫu 01/TTĐB:

- Bỏ phần III - Hàng hóa thuộc trường hợp không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB).

- Bỏ chỉ tiêu số 9 "Điều chỉnh thuế TTĐB của các kỳ trước. Tăng (+); giảm (-).

b) Sửa Bảng kê mẫu 01-1/TTĐB thành Bảng thống kê sản lượng hàng hóa tiêu thụ trong kỳ. Thêm chỉ tiêu đơn vị tính bên cạnh chỉ tiêu Tên hàng hóa, dịch vụ.

c) Sửa đổi, bổ sung Mẫu 01-2/TTĐB theo hướng đơn giản, dễ cho người kê khai, đồng thời phải có tính liên kết giữa bảng I và bảng II.

d) Phân loại NNT để giảm tần suất bắt buộc kê khai thuế GTGT hàng tháng hiện nay xuống còn 3 tháng/lần đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình có thể áp dụng việc kê khai 6 tháng/lần.

37. Thủ tục Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở thu mua tài nguyên (63); - B-BTC-042236-TT-44CCT; (44)-B-BTC-084364-TT; Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên (62); B-BTC-084345-TT; (43) B-BTC-084354) (cấp cục và chi cục)

a) Quy định đối với trường hợp đơn vị thu mua khai và nộp thuế thay cho đơn vị khai thác là hình thức khấu trừ, nộp hộ, do đó quy định khai và nộp thuế theo từng lần phát sinh và không phải khai quyết toán. Trường hợp trong tháng phát sinh nhiều lần có thể đăng ký nộp tờ khai theo tháng.

b) Phân loại NNT để giảm tần suất bắt buộc kê khai thuế GTGT hàng tháng hiện nay xuống còn 3 tháng/lần đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình có thể áp dụng việc kê khai 6 tháng/lần.

38. Thủ tục Khai thuế môn bài theo năm (69)-B-BTC-042751-TT-46CCT

Bỏ quy định yêu cầu khai thuế môn bài hàng năm thay bằng quy định yêu cầu người nộp thuế khai thuế môn bài (theo tờ khai mẫu số 01/MBAI ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính) khi đăng ký thuế lần đầu và/hoặc khi có điều chỉnh, bổ sung về vốn điều lệ. Hàng năm nếu không có điều chỉnh, bổ sung về vốn điều lệ thì người nộp thuế chỉ nộp tiền thuế môn bài theo vốn điều lệ đã đăng ký.

39. Thủ tục Khai khấu trừ của nhà thầu nước ngoài theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng (trường hợp bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam) (70)-B-BTC-043229-TT-54CCT; (54)-B-BTC-085222-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa Mẫu tờ khai 01/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC theo hướng cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế (bỏ cột [14] tiền thù lao).

b) Sửa nội dung Thông báo áp dụng miễn giảm thuế theo Hiệp định, Mẫu 01-1A/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC: Bỏ Mục 1.5 "Giấy chứng nhận cư trú số:... cấp ngày:... cho năm tính thuế".

c) Quy định về đối tượng nộp thuế khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) hay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu là cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam (có cư trú hoặc không cư trú).

d) Quy định "bản sao không yêu cầu công chứng/chứng thực" đối với hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ và bản tóm tắt hợp đồng bằng tiếng Việt Nam với những nội dung liên quan đến số thuế kê khai (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu); Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề trong thành phần hồ sơ.

40. Thủ tục Khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài (trường hợp bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam) (71)-B-BTC-043510-TT-55CCT; (55)-B-BTC-085226-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa Mẫu tờ khai 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC:

- Bỏ "Phần dành cho cơ quan thuế"

- Bỏ cột "Đơn vị tính"

- Thêm chỉ tiêu tổng cộng số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp, số thuế nhà thầu nước ngoài nộp thừa/thiếu đối với cả nhà thầu nước ngoài và nhà thầu phụ nước ngoài.

b) Ban hành kèm mẫu 02-1/NTNN Bảng kê các Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ tham gia thực hiện hợp đồng nhà thầu.

41. Thủ tục Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài là các hãng vận tải biển (72)-B-BTC-112705-TT

a) Sửa Mẫu tờ khai 01/CUOC ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC: Đổi tên mẫu tờ khai, loại bỏ chỉ tiêu số tiền được trích để lại, chỉ tiêu xác định số tiền thuế cước = tổng số tiền cước x 3%.

b) Sửa Mẫu bảng kê 01-1A/CUOC, 01-1B/CUOC, 01-1C/CUOC ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC: Bỏ các chỉ tiêu "Số thuế phải nộp", "Số thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm".

42. Thủ tục Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú) (73)-B-BTC-B-BTC-044006-TT; (58)-B-BTC-085235-TT; Thủ tục Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng cho cá nhân cư trú (74)-B-BTC-B-BTC-044030-TT; (59)-B-BTC-085236-TT; Thủ tục Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân cư trú) (75)-B-BTC-044034-TT; (60)-B-BTC-085233-TT; Thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú (76)-B-BTC-044037-TT; (61)-B-BTC-085237-TT; Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương (78)-B-BTC-126542-TT; (63)-B-BTC-044194-TT; Khai quyết toán thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (80)-B-BTC-044371-TT; (72)-B-BTC-085249-TT; Khai thuế thu nhập cá nhân dành cho cá nhân cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng từ nước ngoài (81)-B-BTC-044390-TT; (74)-B-BTC-085252-TT (cấp cục và chi cục)

Xây dựng mẫu tờ khai thuế TNCN song ngữ Việt - Anh dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương khai trực tiếp với cơ quan Thuế.

43. Thủ tục Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn (79)-B-BTC-044285-TT; (71)-B-BTC-085248-TT (cấp cục và chi cục)

a) Xây dựng mẫu tờ khai thuế TNCN song ngữ Việt - Anh.

b) Bỏ thông báo thuế, NNT tự khai và tự nộp tiền thuế theo kê khai. Đồng thời bổ sung quy định về thời hạn nộp thuế sau khi kê khai.

44. Thủ tục Đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (82)-B-BTC-044399-TT; (75)-B-BTC-085254-TT (cấp cục và chi cục)

a) Xây dựng mẫu tờ khai thuế TNCN song ngữ Việt - Anh.

b) Thống nhất lại mẫu đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh chung cho tất cả các cá nhân, cả kinh doanh và làm công ăn lương.

45. Khai quyết toán năm phí, lệ phí khác thuộc Ngân sách Nhà nước - B-BTC-085256-TT; B-BTC-044625-TT (88) (cấp cục và chi cục)

Bãi bỏ thủ tục hành chính. Thêm chỉ tiêu lũy kế tháng trên tờ khai 01/PHLP.

46. Khai phí bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (90) B-BTC-044658-TT; (87)-B-BTC-085262-TT; Khai phí bảo vệ môi trường đối với cơ sở thu mua khoáng sản nộp phí thay người khai thác (91) B-BTC-044667-TT; (88)-B-BTC-085264-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bỏ Mẫu 02/BVMT; Áp dụng Mẫu 01/BVMT đối với cả hai trường hợp: cơ sở khai thác khoáng sản và cơ sở thu mua khoáng sản nộp phí thay người khai thác. Đồng thời sửa nội dung đối tượng áp dụng Mẫu 01/BVMT thành: "Áp dụng đối với cơ sở khai thác khoáng sản và cơ sở thu mua khoáng sản nộp phí thay người khai thác".

b) Sửa chỉ tiêu "Số lượng khoáng sản khai thác" (cột (3), (4) trên tờ khai 01/BVMT thành "Sản lượng khai thác".

47. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (102) B-BTC-044039-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

e) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 trong thành phần hồ sơ:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

48. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (103) B-BTC-113269-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" và "hoàn thuế trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

b) Bỏ yêu cầu cung cấp: "Bảng kê hồ sơ có chữ ký, đóng dấu của cơ sở (ghi rõ: số, ngày giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài; số, ngày văn bản chấp thuận dự án

đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; danh mục hàng hóa xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài do Bộ Thương mại cấp (trong đó ghi rõ: chủng loại, số lượng và trị giá hàng hóa)" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

d) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

đ) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

g) Loại bỏ mẫu đơn "Đề nghị hoàn thuế/phí - Mẫu số 01/HTBT" ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC trong thành phần hồ sơ.

h) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 trong thành phần hồ sơ:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

49. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (104) B-BTC-044040-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng theo các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

g) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

50. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (105) B-BTC-113302-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" và "hoàn thuế trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

b) Bỏ yêu cầu cung cấp: "Bảng kê khai tổng hợp thuế đầu vào được hoàn" trong thành phần hồ sơ.

c) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp: "Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT (bản sao có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT" trong thành phần hồ sơ.

d) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

đ) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

e) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

g) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng theo các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

h) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

51. Hoàn thuế GTGT đối với tổ chức Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa tại Việt Nam để viện trợ (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (106) B-BTC-044041-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

e) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

52. Hoàn thuế GTGT đối với tổ chức Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa tại Việt Nam để viện trợ (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (107) B-BTC-113403-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

b) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp: "Bảng kê khai tổng hợp thuế đầu vào được hoàn" trong thành phần hồ sơ.

c) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp: "Văn bản xác nhận của Bộ Tài chính về khoản tiền viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài nêu rõ: tên tổ chức viện trợ, giá trị khoản viện trợ, cơ quan tiếp nhận, quản lý tiền viện trợ" trong thành phần hồ sơ.

d) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

đ) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

e) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

g) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

h) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

53. Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (108) B-BTC-044043-TT

a) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

c) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

54. Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (109) B-BTC-113409-TT

a) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

c) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

55. Hoàn thuế thu nhập cá nhân (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (110) B-BTC-044044-TT; (97)-B-BTC-126594-TT (cấp cục và chi cục)

Hợp nhất thủ tục hoàn thuế TNCN với Khai quyết toán thuế TNCN.

56. Hoàn thuế thu nhập cá nhân (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (111) B-BTC-113541-TT; (98) -B-BTC-126597-TT (cấp cục và chi cục)

Hợp nhất thủ tục hoàn thuế TNCN với Khai quyết toán thuế TNCN.

57. Hoàn thuế, phí nộp thừa đối với người nộp thuế sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (114) B-BTC-113593-TT; (100)-B-BTC-112348-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn thuế.

đ) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

58. Hoàn phí xăng dầu (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (115) B-BTC-044083-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn phí trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn phí sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn phí trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn phí sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn phí trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn phí và bảng tổng hợp số phí đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn phí trước, kiểm tra sau" là 06 ngày làm việc.

đ) Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn phí.

e) Loại bỏ mẫu đơn "Đề nghị hoàn thuế/phí - Mẫu số 01/HTBT" trong thành phần hồ sơ.

g) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

59. Hoàn phí xăng dầu (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (116) B-BTC-113610-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn phí sau" và "hoàn phí trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành

phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn phí sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn phí sau" là 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn phí.

đ) Loại bỏ mẫu đơn "Đề nghị hoàn thuế/phí - Mẫu số 01/HTBT" ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC trong thành phần hồ sơ.

e) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

60. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa thực xuất khẩu đang trong thời gian chưa được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu và các trường hợp giải quyết nhanh các trường hợp hoàn thuế khác (117) B-BTC-113614-TT; (101)-B-BTC-112349-TT (cấp cục và chi cục)

a) Đối với trường hợp hoàn trước kiểm tra sau:

- Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

- Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

- Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

+ Mã chương;

+ Mã ngành kinh tế;

+ Mã nội dung kế toán.

b) Đối với trường hợp kiểm tra trước hoàn sau.

- Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" và "hoàn thuế trước, kiểm tra sau". *Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau",* trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

- Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn thuế.

- Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

+ Mã chương;

+ Mã ngành kinh tế;

+ Mã nội dung kế toán.

(Xem tiếp Công báo số 73 + 74)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng